

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày: 10/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Xuân Hương

Bà Trần Thị Thu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hòa Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 561/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 700/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1998.

ĐKHKTT: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Phòng 0812, Toà nhà S1.09, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (chưa xác định) và bà Nguyễn Thị H1; chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000005 lập ngày 09/12/2022 tại Công an huyện G, thành phố Hà Nội.

2. Phan Thị H1, sinh năm 1983.

ĐKHKT: Xóm T, thôn Đ, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà 75, tập thể C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Đào Thị N (đã chết); có chồng H3 Đình T và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000003 lập ngày 09/12/2022 tại Công an huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Trần Thị H2, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Số nhà 02B, hẻm 353/38/29, phố A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Phòng 2019, Tòa nhà S2.07, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Mai Thị C; có chồng Nguyễn Thế H và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000004 lập ngày 09/12/2022 tại Công an huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Ngô Thị A T, sinh năm 1982.

ĐKHKT: Số nhà 295/10, đường H, tổ 5 – Khu phố 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Số nhà 175/18/8, đường T, Khu phố 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hoài P và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có chồng Châu Vĩnh H và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 006.22/QĐ-XPHC ngày 13/4/2022 của Công an tỉnh Bình Định về hành vi qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật, mức phạt 4.000.000 đồng.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000253 lập ngày 23/7/2023 tại PC11B - Công an thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Chị Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Phòng 2019, Tòa nhà S2.07, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- A Châu Vĩnh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 175/18/8 đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; *vắng mặt tại phiên tòa;*

*** Người làm chứng:**

- Chị Trần Thị P; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 11, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 63 Lê Bôi, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Lê Thị T3 H3, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đường Kênh Trung Ương, ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Lê Thị T3 L, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 19 đường X2B, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu 4, xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Nguyễn Thụy Cẩm N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số B9/7A Quốc lộ 50, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Bùi Thị H4, sinh năm 2002; nơi cư trú: F1/9F ấp 6A đường Vĩnh Lộc B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Huỳnh Mai Lan K, sinh năm 1994; nơi cư trú: Phòng 16, nhà trọ tháng Huỳnh Phúc, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Nguyễn Thị H1 N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 1711, tổ 20, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Đỗ Ngọc N2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 341/11A Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Ngô T2 H4, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 235/4 đường Võ Thị Sáu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Chị Nguyễn Thị Hoài T3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 12, tổ 38, khu phố 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; *vắng mặt tại phiên tòa*;

- Chị Lê Thị Mỹ H5, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 29 Nguyễn Lý, phường Phú Thạnh, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt tại phiên tòa*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/11/2022, Công an huyện G, thành phố Hà Nội thực hiện kế hoạch tổng kiểm tra hành chính trên địa bàn xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội phát hiện tại phòng 2019, tòa S207, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, Hà Nội, do Trần Thị H2 (sinh năm 1993; trú tại số nhà 2B hẻm 353/38/29 đường A, phường P, quận T, thành phố Hà Nội) thuê ở, có 06 trẻ sơ sinh (gồm 04 bé trai, 02 bé gái) cùng nhiều giấy tờ liên quan đến việc khám và sinh đẻ của nhiều phụ sản. Phát hiện tại phòng 0812, tòa S109, Khu đô thị V, do Nguyễn Thị H (sinh năm 1998; trú tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước) cùng Phan Thị H1 (sinh năm 1983; trú tại thôn Đ, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội) thuê ở, có nhiều tài liệu giấy tờ liên quan đến việc khám thai, sinh đẻ của nhiều phụ sản.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã làm rõ Trần Thị H2 cùng Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 và Ngô Thị A T (sinh năm 1982; trú tại số nhà 295/10 H, tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định) có hành vi “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Cụ thể như sau:

Từ khoảng giữa năm 2021 đến đầu năm 2022, Trần Thị H2 cùng Nguyễn Thị H và Ngô Thị A T tham gia vào hội nhóm trên mạng xã hội Facebook “*Tìm người nhận mang thai hộ*” và quen biết đối tượng dùng tài khoản mạng xã hội mang tên “*Afei*”, tên thường gọi là Phi. Quá trình quen biết, Phi thoả thuận riêng với Trần Thị H2, Nguyễn Thị H, Ngô Thị A T về việc tìm người mang thai hộ, mỗi trường hợp mang thai hộ sẽ được nhận từ 350.000.000 đồng - 400.000.000 đồng/người và Phi yêu cầu H2, H, T đi kiểm tra sức khoẻ để phục vụ việc mang thai hộ. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra H2, H, T không đủ sức khoẻ để mang thai. Sau đó, Phi thoả thuận, thuê H2, H, T tham gia giúp Phi tổ chức mang thai hộ, cả ba đồng ý. Theo sự phân công của Phi thì H2 có nhiệm vụ dùng số tài khoản 102869599959 của H2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Viettinbank) để nhận tiền từ đối tượng sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo “*Park*” sử dụng số tài khoản 31110001165838, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng BIDV) mang tên Nguyễn Kim Khánh (sinh năm 1987; trú tại số nhà 03/1, đường Hồ Xuân Hương, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)

chuyển đến. Sau khi nhận tiền, H2 tiếp tục sử dụng tài khoản trên để chuyển tiền cho những người nhận mang thai hộ và các đối tượng tổ chức mang thai hộ theo sự chỉ đạo của Phi; H2 thuê phòng 2019, tòa S207 V để nhận, chăm sóc những phụ nữ mang thai hộ, chăm sóc trẻ sơ sinh, chụp ảnh báo cáo mỗi ngày cho Phi, giao lại trẻ sơ sinh cho các đối tượng đến nhận theo sự chỉ đạo của Phi. Để thực hiện việc chăm sóc các trẻ sơ sinh, H2 thuê thêm Nguyễn Thị Bích T2 (sinh năm 1992, trú tại tổ 9, ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) với giá 6.000.000 đồng/tháng. Đối với Nguyễn Thị H và Ngô Thị A T được Phi phân công tìm kiếm những người có nhu cầu mang thai hộ, thông báo cho Phi để Phi đưa họ sang Campuchia thụ thai. Mỗi trường hợp thành công, Phi trả cho H 12.000.000 đồng, trả cho T 10.000.000 đồng. Sau khi thụ thai, H có nhiệm vụ nhận lại người mang thai hộ để chăm sóc, đưa những người phụ nữ mang thai hộ đi sinh đẻ, với giá 2.000.000 đồng/người. Sau khi đẻ xong, H giao lại các mẹ và trẻ sơ sinh cho Trần Thị H2. Ngoài ra, H còn có nhiệm vụ, lấy thông tin, ảnh của người phụ nữ mang thai hộ, chuyển cho Phi để Phi làm giả Căn cước công dân. Khoảng tháng 02/2022, H thuê Phan Thị H1 giúp việc cho H trong việc tổ chức mang thai hộ. H1 có các nhiệm vụ: Làm giúp việc, dọn dẹp nhà; hỗ trợ H trong quá trình tổ chức mang thai hộ, nuôi những người mang thai hộ trong quá trình dưỡng thai; làm giấy tờ tùy thân giả cho những người mang thai hộ và được trả công 4.000.000 đồng/tháng; đưa những người mang thai hộ đi sinh đẻ và được trả công 2.000.000 đồng/người. Ngoài ra, H bảo H1 tìm kiếm những người nhận mang thai hộ, thỏa thuận trả 5.000.000 đồng/người nếu sinh con thành công. H, H1 và T được Phi hướng dẫn, thống nhất giới thiệu với những người nhận mang thai hộ, cụ thể: Những người đủ điều kiện mang thai hộ sẽ được đưa sang Campuchia cấy phôi thai của người Trung Quốc; sau khoảng 06 - 08 tuần, khi bào thai có tim thai ổn định sẽ được đưa về Việt Nam dưỡng thai, sinh con; tiền công mang thai hộ là 330.000.000 đồng nếu mang thai một và đẻ thường, nếu mang thai một mà phải đẻ mổ thì được 400.000.000 đồng; tiền tự dưỡng thai là 4.000.000 đồng/tháng; tiền khám thai định kỳ và mua sữa trong quá trình mang thai sẽ được trả riêng. Quá trình tham gia tổ chức mang thai hộ với Phi, H dùng tài khoản Facebook “*Hình Nhi*”, T dùng tài khoản Facebook “*H4 H1*” (sau đó đổi tên thành “*Rose*” và “*Bình An*”) đăng các bài viết lên các hội, nhóm về mang thai hộ trên Facebook, qua đó tìm người rồi báo cho Phi.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 11/2022, Nguyễn Thị H cùng Ngô Thị A T, Phan Thị H1 và Trần Thị H2 đã thực hiện 13 vụ tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 02/2022, chị Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1998; trú tại thôn Quang Tân, xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa) qua mạng xã hội đã liên hệ với Nguyễn Thị H để nhận mang thai hộ. H đồng ý

và báo cho Phi. Sau đó, Phi hướng dẫn chị T2 sang Campuchia cấy phôi thai của anh Zeng Wei Chang (sinh ngày 19/12/1971, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EF7167162) và 01 người phụ nữ (không xác định nhân thân) rồi về Việt Nam. Khoảng cuối tháng 9/2022, chị T2 chuẩn bị sinh con, H bảo chị T2 về ở tại phòng trọ của H1 tại số nhà 75, đường C, xã C, huyện G, Hà Nội để H1 chăm sóc. Phi chỉ đạo H và H1 gửi ảnh chân dung của chị T2 và ảnh Căn cước công dân của chị Lê Thị Thương (sinh năm 1993; trú tại xóm 4, xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; là người nhận mang thai hộ nhưng không đạt tiêu chuẩn về sức khỏe) để Phi làm Căn cước công dân giả cho chị T2. Sau khi nhận Căn cước công dân giả (ảnh của chị T2, thông tin của chị Thương), H1 dùng Căn cước công dân này đăng ký cho chị T2 sinh con tại Bệnh viện Đa khoa G. Ngày 02/10/2022, chị T2 sinh được 01 bé trai. H thuê chị Trần Thị P (sinh năm 1984; trú tại thôn 11, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa) chăm sóc chị T2 và cháu bé trong thời gian 04 ngày tại Bệnh viện, trả công 2.000.0000 đồng/ngày. Sau đó, chị T2 về quê và giao cháu bé lại cho Trần Thị H2 chăm sóc. Do Phi chưa nhận được cháu bé nên H chưa nhận được tiền công giới thiệu chị T2. Chị Thuý đã được nhận số tiền công mang thai hộ là 251.500.000 đồng.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2207343 ngày 10/3/2023 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis (viết tắt là Công ty Gentis), xác định: “*Nguyễn Thị T2 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai sinh ngày 02/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, giấy chứng sinh số 297, quyển số 01/2022, ghi tên mẹ là Lê Thị Thương*”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2201615 ngày 12/5/2023 của Công ty Gentis, xác định: “*A Zeng Wei Chang có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai sinh ngày 02/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, Giấy chứng sinh số 297, quyển số 01/2022, ghi tên mẹ là Lê Thị Thương*”.

2. Vụ thứ hai: Khoảng tháng 02/2022, chị Lê Thị T3 H3 (sinh năm 1987; trú tại số nhà 127XT/106, đường Âu Cơ, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với Ngô Thị A T để nhận mang thai hộ. T báo lại để Phi hướng dẫn chị H3 sang Campuchia, cấy phôi thai của anh Li Jian (sinh ngày 24/02/1986, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EC1186490) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định nhân thân) rồi trở về Việt Nam. Khoảng cuối tháng 9/2022, chị H3 chuẩn bị sinh con nên Phi bảo chị H3 ra ở cùng Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 để H1 chăm sóc, đưa đi đẻ. Phi chỉ đạo H và H1 gửi ảnh chân dung của chị H3 và cung cấp hình ảnh Căn cước công dân của Lê Thị Kim A (sinh năm 1997; trú tại số nhà 19/5, đường Lê H1 Phong, KV1, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ; là người nhận mang thai hộ nhưng không đạt tiêu chuẩn về sức khỏe) cho Phi, để làm Căn cước công dân giả cho

chị H3. Sau khi nhận được Căn cước công dân giả (ảnh của chị H3 nhưng đề thông tin của chị Kim A), H1 dùng Căn cước công dân giả này đăng ký thông tin cho chị H3 sinh tại Bệnh viện Đa khoa G. Ngày 04/10/2022, chị H3 sinh được 01 bé trai và giao lại cho Trần Thị H2 chăm sóc rồi đi về quê.

Trong lần tổ chức mang thai hộ này, Phi đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền công giới thiệu chị H3, còn H3 đã được trả số tiền là 342.385.000 đồng tiền công mang thai hộ.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2301418, ngày 10/6/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Li Jian có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai sinh ngày 04/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, có giấy chứng sinh số 300, quyển số 01/2022, ghi tên mẹ là Lê Thị Kim A”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2207955 ngày 10/3/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Lê Thị T3 H3 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai sinh ngày 04/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, giấy chứng sinh số 300, quyển số 01/2022, ghi tên mẹ là Lê Thị Kim A”.

3. Vụ thứ ba: Khoảng tháng 01/2022, chị Lê Thị T3 L (sinh năm 2000; trú tại thôn Đắc Xuân, xã Đắc Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông) liên hệ với Ngô Thị A T để nhận mang thai hộ. T báo lại để đối tượng Phi hướng dẫn chị L sang Campuchia, cấy phôi thai của anh Xue Cheng Zhang (sinh ngày 09/9/1984, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EJ6918838) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định được nhân thân) rồi trở về Việt Nam. Khoảng cuối tháng 9/2022, chị L chuẩn bị sinh con, Phi bảo chị L ra ở cùng H tại phòng 0812, tòa S109 V để H và H1 chăm sóc và đưa đi sinh đẻ. Ngày 18/10/2022, H1 đưa chị L đến Bệnh viện Đa khoa Đức Giang và dùng Căn cước công dân của chị L để đăng ký sinh. Ngày 19/10/2022, chị L sinh được 01 bé trai (dự định đặt tên là Lê Hoài Đức). Sau khi sinh con, H và H1 đưa chị L và cháu bé sơ sinh về ở cùng H2 tại phòng 2019, tòa S207 V. Sau đó, chị L về quê và giao bé trai lại cho H2 chăm sóc.

Trong lần tổ chức mang thai hộ này, chị L đã nhận được số tiền công mang thai hộ là 161.300.000 đồng, còn Phi chưa trả tiền công cho T.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2301417 ngày 10/6/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Xue Cheng Zhang có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai dự định đặt tên Lê Hoài Đức, sinh ngày 19/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, có giấy chứng sinh số 22.1467, quyển số 15 ghi tên mẹ là Lê Thị T3 L”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2200909 ngày 10/3/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Lê Thị T3 L không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con

với bé trai dự định đặt tên Lê Hoài Đức, sinh ngày 19/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, giấy chứng sinh số 22.1467, quyển số 15 ghi tên mẹ là Lê Thị T3 L”.

4. Vụ thứ tư: Khoảng tháng 02/2022, chị Nguyễn Ngọc A (sinh năm 2003; trú tại khu 4, xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ) liên hệ với Nguyễn Thị H để nhận mang thai hộ. H báo lại cho Phi để hướng dẫn chị Ngọc A sang Campuchia, cấy phôi thai của anh Wang Wei (sinh ngày 26/10/1985, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu E41886791) và 01 người phụ nữ Trung Quốc (không xác định nhân thân) rồi chị Ngọc A lại quay về ở cùng H tại phòng 0812, tòa S109 V dưỡng thai. Khoảng cuối tháng 10/2022, Phi chỉ đạo Nguyễn Thị H và H1 gửi ảnh chân dung của chị Ngọc A để làm Căn cước công dân giả cho chị Ngọc A. Phi tự lấy thông tin người tên Lò Thị H3 (sinh năm 2004; trú tại thôn Là 2, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai) và làm Căn cước công dân giả cho chị Ngọc A. Sau khi nhận được Căn cước công dân giả (ảnh của chị Ngọc A và thông tin là Lò Thị H3), H1 dùng Căn cước công dân giả này đăng ký cho chị Ngọc A sinh con tại Bệnh viện Đa khoa nông nghiệp cơ sở 1. Ngày 05/11/2022, chị Ngọc A sinh được 01 bé gái. H thuê chị P chăm sóc chị Ngọc A và cháu bé 04 ngày tại Bệnh viện và trả công 2.000.000 đồng/ngày. Sau đó, H và H1 đưa chị Ngọc A cùng cháu bé sơ sinh về ở cùng H2 tại Phòng 2019 tòa S207, khu đô thị V.

Trong lần tổ chức mang thai này, do Phi chưa nhận được cháu bé nên H chưa nhận được tiền công giới thiệu chị Ngọc A. Chị Ngọc A đã nhận 118.350.000 đồng tiền công mang thai hộ và 7.757.000 đồng tiền công chăm cháu bé.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2206935 ngày 13/02/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Wang Wei có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé gái sinh ngày 05/11/2022 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Nghiệp cơ sở 1, giấy chứng sinh số 30769/22, quyển số 11/2022, ghi tên mẹ là Lò Thị H3”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2206806 ngày 06/12/2022 của Công ty Gentis, xác định: “Nguyễn Ngọc A không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé gái sinh ngày 05/11/2022 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Nghiệp cơ sở 1, giấy chứng sinh số 30769/22, quyển số 11/2022, ghi tên mẹ là Lò Thị H3”.

5. Vụ thứ năm: Khoảng tháng 02/2022, chị Nguyễn Thụy Cẩm N (sinh năm 1988; trú tại số nhà 161, phố Bùi Điền, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với Nguyễn Thị H để nhận mang thai hộ. H báo lại để Phi hướng dẫn chị Cẩm N sang Campuchia để cấy phôi thai của anh Liu Bo Jiang (sinh ngày 02/4/1990, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EK2476149) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định được nhân thân) rồi trở về Việt Nam.

Ngày 08/11/2022, chị Cẩm N tự đến Bệnh viện Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 làm thủ tục và sinh được 01 bé gái. Chị Cẩm N chăm bé gái đến ngày 29/11/2022, đưa ra thành phố Hà Nội giao lại bé sơ sinh cho Trần Thị H2.

Sau đó, chị Cẩm N đã được đối tượng Phi trả 141.060.000 đồng tiền công mang thai hộ, 13.000.000 đồng tiền công chăm sóc cháu bé. Nguyễn Thị H chưa nhận được tiền công giới thiệu.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2301420 ngày 10/6/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Liu Bo Jiang có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé gái sinh ngày 08/11/2022 tại Bệnh viện Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2, giấy chứng sinh số 25, quyển số 07/2022, ghi tên mẹ là Nguyễn Thụy Cẩm N.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2207961 ngày 10/3/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Nguyễn Thụy Cẩm N không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé gái sinh ngày 08/11/2022 tại Bệnh viện Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2, giấy chứng sinh số 25, quyển số 07/2022, ghi tên mẹ là Nguyễn Thụy Cẩm N”.

6. Vụ thứ sáu: Khoảng tháng 02/2022, chị Bùi Thị H4 (sinh năm 2002, trú tại số nhà 29, đường Dương Công Khi, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với Nguyễn Thị H để nhận mang thai hộ. H báo lại để đối tượng Phi hướng dẫn chị H4 sang Campuchia cấy phôi thai của anh Li Qing (sinh năm 19/12/1988, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EJ8644497) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định được nhân thân) rồi trở về Việt Nam. Khoảng cuối tháng 10/2022, chị H4 chuẩn bị sinh nên H bảo chị H4 đến ở cùng H1 để chăm sóc. Phi chỉ đạo H và H1 gửi ảnh chân dung của H4 để làm Căn cước công dân giả cho H4. Phi tự lấy thông tin người tên Quàng Thị H4 (sinh năm 2004; trú tại thôn Phiêng Quảng, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên) để làm Căn cước công dân giả cho chị H4. Sau khi nhận được Căn cước công dân giả do Phi gửi, H1 dùng Căn cước công dân giả này để đăng ký cho chị H4 sinh tại Bệnh viện Đa khoa Nông Nghiệp cơ sở 1. Ngày 10/11/2022, chị H4 sinh được 01 bé trai. H thuê chị P chăm sóc H4 và cháu bé 02 ngày tại Bệnh viện và trả công 1.000.000 đồng. Sau đó, H giao cháu bé lại cho Trần Thị H2 còn chị H4 về quê.

Do H xin ứng tiền trước, nên dù chưa nhận được cháu bé nhưng Phi vẫn đồng ý trả cho H 20.000.000 đồng tiền công giới thiệu chị H4 mang thai hộ. Chị H4 đã được nhận 113.300.000 đồng tiền công mang thai hộ.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2301419 ngày 10/6/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Li Qing có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé

trai sinh ngày 10/11/2022 tại Bệnh viện Đa khoa nông nghiệp CS1, giấy chứng sinh số 31294/22, quyển số 11/2022, ghi tên mẹ là Quàng Thị H4”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2207353 ngày 10/3/2023 của Công ty Gentis, xác định: *“Bùi Thị H4 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai sinh ngày 10/11/2022 tại Bệnh viện Đa khoa nông nghiệp CS1, Giấy chứng sinh số 31294/22, quyển số 11/2022, ghi tên mẹ là Quàng Thị H4”.*

7. Vụ thứ bảy: Khoảng cuối tháng 01/2022, thông qua Facebook nên chị Huỳnh Mai Lan K (sinh năm 1994; trú tại đường Khóm Phó Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) biết và liên hệ với 01 người thường gọi là Ly Ly (chưa xác định nhân thân, dùng tài khoản Facebook “Ly Ly”) để nhận mang thai hộ. Sau đó, Phi và Ly Ly hướng dẫn để chị K sang Campuchia cấy phôi thai rồi về Việt Nam tự dưỡng. Ngày 20/9/2022, K chuẩn bị sinh nên Phi bảo chị K đến ở cùng H1 để H1 chăm sóc. Ngày 02/10/2022, Phi chỉ đạo H và H1 đưa chị K đến Bệnh viện đa khoa G làm thủ tục sinh đẻ, lấy tên Kiều Thị T2 Huyền (sinh năm 1987; trú tại thôn Quỳnh Cao, xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, Hà Nội) để đăng ký cho chị K sinh. Sau đó, chị K sinh 01 bé trai và được H1 đưa chị K về ở cùng H2 khoảng 02 tuần rồi chị K mang cháu bé về nhà tự chăm sóc.

Phi đã trả chị K 300.000.000 đồng tiền công mang thai hộ và 78.000.000 đồng tiền công chăm cháu bé, chị K đã sử dụng chi tiêu hết số tiền trên.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2300122 ngày 02/7/2023 của Công ty Gentis, xác định: *“Huỳnh Mai Lan K không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé sinh ngày 02/10/2022 tại Bệnh viện đa khoa G, Giấy chứng sinh số: 296 quyển số 01/2022 ghi tên mẹ là Kiều Thị T2 Huyền”.*

8. Vụ thứ tám: Khoảng đầu tháng 03/2022, chị Nguyễn Thị H1 N (sinh năm 1987; trú tại số nhà 1711, đường Nam Sơn, tổ 20, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình) liên hệ với Ngô Thị A T để nhận mang thai hộ. T báo lại để Phi hướng dẫn chị H1 N sang Campuchia cấy phôi thai của anh Weng Jian Ping (sinh ngày 20/9/1984, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EG8228827) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định nhân thân) rồi về Việt Nam tự dưỡng. Ngày 14/10/2022, Phi chỉ đạo H và H1 đưa chị H1 N đến Bệnh viện đa khoa Đức Giang làm thủ tục và sinh được 01 bé trai (dự định đặt tên là Nguyễn Triệu Minh). H thuê chị P chăm sóc chị H1 N và cháu bé 04 ngày tại bệnh viện và trả công 2.000.000 đồng/ngày. Sau đó, H1 đưa chị H1 N về ở cùng H2 khoảng 01 tháng rồi chị H1 N đưa bé trai về nhà và tự chăm sóc.

Đối tượng Phi đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền công giới thiệu chị H1 N mang thai hộ và trả chị H1 N 113.000.000 đồng tiền công mang thai hộ, 6.500.000 đồng tiền công chăm cháu bé, chị N đã chi tiêu hết số tiền trên.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2300563 ngày 12/8/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Weng Jian Ping có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai Nguyễn Triệu Minh sinh ngày 14/10/2022 tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang, giấy chứng sinh số: 22.1453 quyển số 15”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2300423 ngày 12/8/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Nguyễn Thị H1 N không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai Nguyễn Triệu Minh sinh ngày 14/10/2022 tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang, giấy chứng sinh số 22.1453 quyển số 15”.

9. Vụ thứ chín: Khoảng đầu tháng 02/2022, chị Đỗ Ngọc N2 (sinh năm 1988; trú tại số nhà 322/924, đường Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với T để nhận mang thai hộ. T báo lại để Phi hướng dẫn chị N2 sang Campuchia cấy phôi thai rồi về Việt Nam tự dưỡng. Ngày 01/10/2022, Phi chỉ đạo H và H1 đưa chị N2 đến Bệnh viện đa khoa G làm thủ tục, lấy tên Nguyễn T3 Trang (sinh năm 1997; trú tại thôn Đoài, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) để đăng ký cho chị N2 sinh đẻ. Sau khi chị N2 sinh được 01 bé trai, H1 đưa chị N2 và bé sơ sinh về ở cùng H2 khoảng 02 tuần rồi chị N2 mang cháu bé về nhà tự chăm sóc.

Đối tượng Phi đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền công giới thiệu; trả cho chị N2 được trả 333.200.000 đồng tiền công mang thai hộ, 14.000.000 đồng tiền công chăm cháu bé, chị N2 đã chi tiêu hết số tiền trên.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2303011 ngày 01/10/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Đỗ Ngọc N2 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai sinh ngày 02/10/2022 tại Bệnh viện đa khoa G, giấy chứng sinh số 295 quyển số 01/2022”.

10. Vụ thứ mười: Khoảng đầu tháng 2/2022, chị Ngô T2 H4 (sinh năm 1990; trú tại số nhà 351/52A, đường Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với Ngô Thị A T để nhận mang thai hộ. T báo lại để Phi hướng dẫn chị H4 sang Campuchia cấy phôi thai của anh Zhang Xiao Bo (sinh ngày 20/4/1985, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu EK6284847) và 01 người phụ nữ Thái Lan (không xác định nhân thân) rồi về Việt Nam tự dưỡng. Ngày 20/9/2022, chị H4 tự đến Bệnh viện Từ Dũ làm thủ tục và sinh được 01 bé trai. Phi chỉ đạo Trần Thị H2 đến ở cùng, chăm sóc cho chị H4 và cháu bé tại bệnh viện và trả công 3.500.000 đồng/07 ngày. Sau đó, chị H4 đưa cháu bé về nhà tự chăm sóc.

Đối tượng Phi đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền công giới thiệu chị H4; trả cho cho chị H4 330.000.000 đồng tiền công mang thai hộ, trả 20.000.000 đồng tiền công chăm cháu bé, chị H4 đã chi tiêu hết số tiền trên.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2300429 ngày 12/8/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Zhang Xiao Bo có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai sinh ngày 20/9/2022 tại Bệnh viện Từ Dũ, giấy chứng sinh số TT0022323, quyền số 0224”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2300428 ngày 12/8/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Ngô T2 H4 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai sinh ngày 20/9/2022 tại Bệnh viện Từ Dũ, giấy chứng sinh số TT0022323, quyền số 0224”.

11. Vụ thứ mười một: Khoảng đầu tháng 02/2022, chị Nguyễn Thị Hoài T3 (sinh năm 1982; trú tại số nhà 12, tổ 38, khu phố 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định) liên hệ với người dùng tài khoản Facebook “Ly Ly” để nhận mang thai hộ. Khoảng cuối tháng 4/2022, Ly Ly và Phi hướng dẫn để chị T3 sang Campuchia cấy phôi thai của anh Shao Chuan (sinh ngày 06/10/1987, quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu E35731285) và 01 người phụ nữ Thái Lan (chưa xác định nhân thân) rồi về Việt Nam tự dưỡng. Khoảng tháng 10/2022, Ly bảo chị T3 gửi hộ chiếu cho Nguyễn Thị H và Phan Thị H1 để làm thủ tục xin Visa cho T3 sang Trung Quốc sinh con. Tuy nhiên sau đó H1 không xin được Visa nên ngày 04/01/2023, chị T3 tự đến Bệnh viện đa khoa Tâm Trí (tại địa chỉ phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa) làm thủ tục và sinh 01 bé trai. Ngày 21/3/2023, chị T3 đăng ký khai sinh cho bé tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định, đặt tên là Nguyễn Duy An và hiện đang tự chăm sóc. Chị T3 đã được nhận 43.000.000 đồng tiền công mang thai hộ và đã tiêu hết.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2302209 ngày 01/9/2023 của Công ty Gentis, xác định: “A Shao Chuan có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé trai Nguyễn Duy An sinh ngày 04/01/2023 tại Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, giấy khai sinh số 61”.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2302210 ngày 01/9/2023 của Công ty Gentis, xác định: “Nguyễn Thị Hoài T3 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé trai Nguyễn Duy An sinh ngày 04/01/2023 tại Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, giấy khai sinh số 61”.

12. Vụ thứ mười hai: Tháng 01/2022, chị Lê Thị Mỹ H5 (sinh năm 1996; trú tại số nhà 09, đường số 37, tổ 18, khu phố 2, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với T để nhận mang thai hộ. Đến khoảng tháng 4/2022, T và Phi hướng dẫn để chị Mỹ H5 sang Campuchia cấy phôi thai rồi về Việt Nam tự dưỡng. Khoảng tháng 10/2022, Phi bảo chị Mỹ H5 gửi hộ chiếu cho Nguyễn Thị H để làm thủ tục xin visa cho chị Mỹ H5 sang Trung Quốc sinh con. Tuy nhiên sau đó Nguyễn Thị H và Phan Thị H1 không xin được Visa nên ngày

05/02/2023, chị Mỹ H5 tự đến Bệnh viện Quân y 7A (tại số nhà 466, đường Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) làm thủ tục và sinh được 01 bé gái. Ngày 15/3/2023, chị Mỹ H5 đăng ký khai sinh cho bé tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, đặt tên là Lê Quý Thảo và hiện đang tự chăm sóc.

Chị Mỹ H5 đã được nhận khoảng 95.000.000 đồng tiền công mang thai hộ và đã tiêu hết.

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ2303012 ngày 01/10/2023 của Công ty Gentis, xác định: *“Lê Thị Mỹ H5 không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với bé gái Lê Quý Thảo sinh ngày 05/02/2023 tại Bệnh viện Quân Y 7A, giấy khai sinh số 25/2023”*.

13. Vụ thứ mười ba: Khoảng giữa tháng 5/2022, chị Nguyễn Thị T3 H4 (sinh năm 1999; trú tại số nhà 190/11C, khu phố 3, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ với Phan Thị H1 để nhận mang thai hộ. H1 báo lại với Nguyễn Thị H thông tin của chị H4 và H báo cho Phi để Phi trực tiếp liên hệ, hướng dẫn chị H4 sang Campuchia cấy phôi thai. Sau đó, chị H4 về Việt Nam và ở cùng H1 để H1 chăm sóc, dưỡng thai. Chị H4 được Phi trả 80.700.000 đồng và đã tiêu hết. Khi nhóm của H và H1 bị bắt, chị H4 đi về quê sau đó đã bỏ trốn.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị H2 khai được đối tượng Phi chỉ đạo chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho các đối tượng liên quan đến việc tổ chức mang thai hộ gồm: Nguyễn Thị Hậu (sinh năm 1996; trú tại tổ dân phố Tây Duyên Giang, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; chủ số tài khoản 21466003889999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam); Nguyễn Thị Bích (sinh năm 1982; trú tại số nhà 19/17 đường Huỳnh Thúc Kháng, tổ 21 phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; chủ số tài khoản 0561000577288 ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam); Nguyễn Thụy Hoàng A - Chủ số tài khoản 105002870853 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank). Kết quả điều tra xác định các đối tượng Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thụy Hoàng A không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa triệu tập được các đối tượng trên để làm rõ vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H và Phan Thị H1 còn khai được Phi chỉ đạo nên H và H1 đã đưa chị Phạm Thị Mai Huyền (sinh năm 1982; trú tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk) đến Bệnh viện phụ sản Hà Nội sinh đẻ, H1 đã làm thủ tục sinh nhập Viện cho chị Huyền. Ngày 24/11/2022, chị Huyền sinh được 03 bé gái. Sau khi biết nhóm của H và H1 bị Cơ quan điều tra bắt giữ, chị Huyền đã đưa 03 cháu bé bỏ đi. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra

chưa xác định được nơi ở của chị Phạm Thị Mai Huyền để điều tra làm rõ vụ việc.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ vật chứng sau:

- T3 của Nguyễn Thị H: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu vàng, số imei 353295070728059, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 13 pro max màu xanh, số imei 358074294335099; 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 6s màu hồng, số imei 355691077962444, đã qua sử dụng; 05 Căn cước công dân mang tên Quảng Thị H4, Lê Thị Kim A, Lê Thị Thương, Lò Thị H3 và Ngô Thanh Thủy.

- T3 của Phan Thị H1: 01 chiếc điện thoại hiệu Redmi màu xanh, có số imei 1 là 868909057263900/78, số imei 2 là 868909057263918/78, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại hiệu Redmi, màu đen, số imei 1 là 860941042927925, số imei 2 là 860941043477920; Giấy siêu âm, sổ khám thai mang tên Từ Như Thảo (sinh năm 1987; trú tại Ấp 1, thị trấn Hồ Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu), Nguyễn Thị Oanh (sinh ngày 19/6/2005; trú tại tổ dân phố Bắc Đại 1, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định) và Hoàng Thị Bền (sinh ngày 12/7/1987; trú tại thôn Pác Cáp, xã Nam Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn); Hộ chiếu và bản photo Chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Gái (sinh ngày 25/11/1991; trú tại đội 2, thôn Trung An, xã Hải Khê, huyện Hải Lăng, Quảng Trị); 05 Căn cước công dân mang tên Quảng Thị H4 (sinh ngày 18/02/2004, số căn cước 011104654963, ngày cấp 16/03/2022), Lê Thị Kim A (sinh ngày 15/11/1997, số căn cước 092197001551, ngày cấp 23/8/2019), Lê Thị Thương (sinh ngày 15/8/1993, số căn cước 036193012507, ngày cấp 15/8/1993), Lò Thị H3 (sinh ngày 06/01/2004, số căn cước 010104321654, ngày cấp 15/3/2022) và Ngô Thanh Thủy (sinh ngày 21/11/1989, số căn cước 022189002386, ngày cấp 01/3/2022)...

- T3 của Trần Thị H2: 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO F5 màu đen trắng, số imei 866907032200411, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO Reno 6 Z màu đen, số imei 869904052778498; 07 giấy chứng sinh gồm: 01 bé sơ sinh có mẹ đẻ là Nguyễn Ngọc A; 01 bé trai sinh ngày 08/11/2022 tại Bệnh viện Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2, có mẹ đẻ là Nguyễn Thụy Cẩm N; 01 bé trai sinh ngày 10/11/2022 tại Bệnh viện Đa khoa cơ sở 1, có mẹ đẻ là Quảng Thị H4; 01 bé trai sinh ngày 19/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, có mẹ đẻ là Lê Thị T3 L; 01 bé trai sinh ngày 04/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, có mẹ đẻ là Lê Thị Kim A; 01 bé trai sinh ngày 02/10/2022 tại Bệnh viện Đa khoa G, có mẹ đẻ là Lê Thị Thương.

- T3 của Nguyễn Thị Bích T2: 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO F9, số imei 1 là 866376045074231, số imei 2 là 866376045074223, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 992/KL-KTHS ngày 23/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, về 05 Căn cước công dân thu giữ, kết luận:

“... 05 (Năm) “Căn cước công dân” gồm:

<i>STT</i>	<i>Số</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ngày, tháng năm sinh</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Ký hiệu</i>
1	011104654963	Quàng Thị H4	18/02/2004	16/03/2022	A1
2	092197001551	Lê Thị Kim A	15/11/1997	23/08/2019	A2
3	036193012507	Lê Thị Thương	15/08/1993	23/08/2019	A3
4	010104321654	Lò Thị H3	06/01/2004	15/03/2022	A4
5	022189002386	Ngô Thanh Thủy	21/11/1989	01/03/2022	A5

... KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH:

05 “Căn cước công dân” cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 là 05 Căn cước công dân giả...”

Đối với đối tượng Phi, sử dụng tài khoản Facebook, Zalo “Afei” (là người chỉ đạo các đối tượng tổ chức mang thai hộ, Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức), đối tượng “Park” (đối tượng chuyển tiền cho Trần Thị H2), đối tượng “Ly Ly” là các đối tượng tham gia tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại nhưng các bị can và những người liên quan chưa bao giờ gặp mặt. Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân. Do đó, ngày 09/10/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của đối tượng Phi, Park, Ly Ly và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với các đối tượng, khi có căn cứ sẽ phục hồi xử lý sau.

Đối với các đối tượng Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Bích và Phạm Thị Mai Huyền là những người phụ nữ nhận mang thai hộ, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được hiện đang ở đâu để điều tra làm rõ vụ việc. Do đó ngày 09/10/2023, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự đối với đối tượng Hậu, Bích, Huyền và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, khi có căn cứ sẽ phục hồi xử lý sau.

Đối với các đối tượng Từ Như Thảo, Nguyễn Thị Oanh, Hoàng Thị Bền và Nguyễn Thị Gái (có thông tin trên các giấy siêu âm, sổ khám thai, sổ hộ chiếu thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Phan Thị H1). Tại Cơ quan

điều tra, Nguyễn Thị H và Phan Thị H1 khai đây là các đối tượng mang thai hộ hoặc đi khám để chuẩn bị nhận mang thai hộ. Các đối tượng không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa triệu tập được để tiến hành điều tra làm rõ. Do đó ngày 09/10/2023, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự đối với đối tượng trên và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, khi có căn cứ sẽ phục hồi xử lý sau.

Đối với các đối tượng Dương Thị Lan Hương (sinh năm 1991; trú tại tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng), Trần An Nhiên (sinh năm 15/02/2022; trú tại thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, Hòa Bình), Trần Thị Thơm (sinh năm 1980; trú tại số 337, phố Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) và Huỳnh Nhựt Ngọc A (sinh ngày 02/9/2005; trú tại số nhà 21, Quốc lộ 61, ấp Thị Tứ, thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) có thông tin trên các giấy thỏa thuận cho nhận con, thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Phan Thị H1. Hiện Nguyễn Thị H và Phan Thị H1 khai, những người này hứa sẽ cho trẻ sơ sinh cho H, nhưng thực tế chưa giao các trẻ sơ sinh. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Dương Thị Lan Hương, Trần An Nhiên, Trần Thị Thơm, Huỳnh Nhựt Ngọc A không có mặt tại nơi cư trú nên chưa làm rõ được vụ việc. Do đó ngày 09/10/2023, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự đối với đối tượng trên và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, khi có căn cứ sẽ phục hồi xử lý sau.

Đối với những người phụ nữ nhận mang thai hộ là Nguyễn Thị Thuý, Lê Thị T3 H3, Lê Thị T3 L, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thuý Cẩm N, Bùi Thị H4, Huỳnh Mai Lan K, Nguyễn Thị H1 N, Đỗ Ngọc N2, Ngô Thuý H4, Nguyễn Thị Hoài T3, Lê Thị Mỹ H5 và Nguyễn Thị T3 H4, Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T2, H3, L, Ngọc A, N, H4, K, H1 N, N2, T2 H4, T3 H4, T3, Mỹ H5 về hành vi “Vi phạm quy định về sinh con”, được quy định tại khoản 1, Điều 60, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

Đối với Lê Hữu Hiếu (sinh ngày 23/3/2001; trú tại thôn Hậu Trạch, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội) và Trần Văn Thành (sinh năm 1987; trú tại thôn Giáp Ba, xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, Hà Nội) là người quen của Nguyễn Thị H, đã cho H mượn sử dụng tài khoản ngân hàng, H đã sử dụng tài khoản ngân hàng của anh Hiếu và anh Thành để nhận tiền của đối tượng Phi chuyển đến và sử dụng. Kết quả điều tra xác định anh Hiếu và anh Thành không biết, không giúp sức việc Nguyễn Thị H tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, nên không đồng phạm với H. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Hiếu và anh Thành.

Đối với chị Trần Thị P và chị Nguyễn Thị Bích T2 được Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 thuê để chăm sóc các bé sơ sinh. Kết quả điều tra xác định chị P và chị T2 không biết việc H và H2 tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị T2, chị Lê Thị T3 H3, chị Nguyễn Ngọc A và chị Bùi Thị H4 là những người mang thai hộ được Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 chụp ảnh, rồi gửi cho đối tượng Phi để làm giả Căn cước công dân để H đưa đi đẻ. Kết quả điều tra xác định các chị T2, H3, Ngọc A và H4 không biết và không giúp sức cho Phi, H và H1 trong việc “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi này.

Đối với chị Lê Thị Kim A, chị Lê Thị Thương, chị Ngô Thanh Thủy là những người không biết bị Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 lấy thông tin thẻ Căn cước công dân, sau đó thay ảnh làm giả Căn cước công dân nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số 538/CT-VKSHN-P2 ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra cáo trạng còn truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội cho rằng: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên toà có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị H2 và bị cáo Ngô Thị A T về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 187; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” và từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là từ 05 năm 06 tháng tù - 06 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị H1 từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” và từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là từ 05 năm 06 tháng tù - 06 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 187; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 187; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Ngô Thị A T từ 02 năm 06 tháng – 03 năm tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”.

Về hình phạt bổ sung: xét tính chất phạm tội và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các điện thoại di động là phương tiện các bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội, trả chị Nguyễn Thị Bích T2 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền đã thu lời bất chính, xác nhận bị cáo Ngô Thị A T đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Bích T2, anh Châu Vĩnh Huy, những người làm chứng: chị Trần Thị P, chị Nguyễn Thị T2, chị Lê Thị T3 H3, chị Lê Thị T3 L, chị Nguyễn Ngọc A, chị Nguyễn Thụy Cẩm N, chị Bùi Thị H4, chị Huỳnh Mai Lan K, chị Nguyễn Thị H1 N, chị Đỗ Ngọc N2, chị Ngô T2 H4, chị Nguyễn Thị Hoài T3 và chị Lê Thị Mỹ H5 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy chị T2, chị P, chị T2, chị H3, chị L, chị Ngọc A, chị N, chị H4, chị K, chị N, chị N2, chị H4, chị T3, chị H đã có lời khai trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 06/2021 đến đầu năm 2022, Trần Thị H2, Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Ngô Thị A T được đối tượng Phi (Afei) thuê để giúp Phi tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Phi phân công Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Ngô Thị A T tìm những người phụ nữ có đủ điều kiện để mang thai hộ, Phi phân công H, H1 nhận lại những người phụ nữ đã mang thai để quản lý, chăm sóc, đưa đi sinh đẻ. Phi phân công H2 nhận lại, chăm sóc các bé sơ sinh do H, H1 đưa đến, đồng thời báo cáo tình hình các bé sơ sinh hàng ngày cho Phi để chờ người của Phi đến nhận các bé sơ sinh. Phi phân công H2 nhận tiền từ tài khoản Ngân hàng do Phi chuyển đến rồi chuyển tiền trả cho những người tổ chức mang thai hộ theo chỉ đạo của Phi.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 11/2022 Cơ quan điều tra đã xác định Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 tham gia tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại 12 vụ cho 12 người (tham gia vụ thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13) Nguyễn Thị H hưởng lợi 20.000.000 đồng, Phan Thị H1 hưởng lợi 16.000.000 đồng; Trần Thị H2 tham gia tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại 10 vụ

cho 10 người (tham gia vụ thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10) hưởng lợi 15.500.000 đồng; Ngô Thị A T tham gia tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại 06 vụ cho 06 người (tham gia vụ thứ 2, 3, 8, 9, 10, 12) hưởng lợi 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 đã làm giả 05 thẻ Căn cước công dân để sử dụng trong quá trình tổ chức mang thai hộ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 đã cấu thành tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” với các tình tiết “*Đối với 02 người trở lên*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; tội danh và hình phạt được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết “*Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Trần Thị H2 và bị cáo Ngô Thị A T đã cấu thành tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” với các tình tiết “*Đối với 02 người trở lên*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; tội danh và hình phạt được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Cáo trạng số 538/CT-VKSHN-P2 ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị H2 và bị cáo Ngô Thị A T về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về sinh sản bằng phương pháp khoa học - kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và an toàn xã hội; ngoài ra, hành vi làm giả căn cước công dân của các bị cáo H, H1 còn gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là sai trái nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị,

giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong đời sống xã hội.

Xét vai trò đồng phạm trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Ngô Thị A T là những người tìm kiếm người có nhu cầu mang thai hộ, báo lại cho đối tượng Phi để đưa người mang thai hộ sang Campuchia cấy phôi; sau khi thụ thai, những người này được Phi giao cho H và H1 chăm sóc, đưa đi đẻ; sau khi người mang thai hộ đẻ xong sẽ giao lại cho Trần Thị H2 chăm sóc, chờ giao cho đối tượng Phi. Bị cáo Phan Thị H1 được bị cáo Nguyễn Thị H thuê, giúp việc cho bị cáo H trong quá trình tổ chức mang thai hộ, thực hiện theo sự chỉ đạo của H1. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T đều thực hiện một khâu trong việc tổ chức mang thai hộ và nhận tiền công từ đối tượng Phi. Do đó các bị cáo đều phạm tội với vai trò là người thực hành. Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại cho 12 người nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, trong đó bị cáo H có vai trò cao hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H1, tiếp theo là bị cáo H2, cuối cùng là bị cáo T.

Về nhân thân, bị cáo Ngô Thị A T có 01 tiền sự về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 và Trần Thị H2 và Ngô Thị A T đều phạm tội nhiều lần nhưng đây là tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 187 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo Ngô Thị A T đã tự nguyện nộp lại 20.000.000 đồng là toàn bộ số tiền thu lời bất chính của bị cáo; tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước), bị cáo Phan Thị H1 xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có bố đẻ (ông Phan Văn Tích) là người có công với cách mạng, bị cáo Trần Thị H2 trình bày, bà nội của bị cáo là mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội và cô ruột của bị cáo là Liệt sỹ nhưng bị cáo không hiểu biết pháp luật và không liên hệ được với gia đình nên không có tài liệu gì để xuất trình; các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 chưa có tiền án, tiền sự. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[5]Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 và Trần Thị H2 và Ngô Thị A T được trừ thời gian đã bị bắt, tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[7]Về trách nhiệm dân sự: A Châu Vĩnh Huy không yêu cầu bị cáo Ngô Thị A T trả lại số tiền 18.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng bao gồm điện thoại thu giữ của các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1 và Trần Thị H2 là phương tiện các bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu vàng đã qua sử dụng, số imei 353295070728059; 01 điện thoại hiệu Iphone 13 pro max màu xanh; 01 điện thoại hiệu Iphone 6s màu hồng; 01 điện thoại hiệu Samsung S9 màu tím; 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh; 01 điện thoại hiệu Redmi, màu đen; 01 điện thoại hiệu OPPO F5 màu đen trắng; 01 điện thoại hiệu OPPO Reno 6Z màu đen.

- Đối với 01 điện thoại hiệu OPPO F9 thu giữ của chị Nguyễn Thị Bích T2 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho chị T2.

- Ngoài ra, buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- + Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền 20.000.000 đồng.
- + Buộc bị cáo Phan Thị H1 nộp số tiền 16.000.000 đồng.
- + Buộc bị cáo Trần Thị H2 nộp số tiền 15.500.000 đồng.
- + Buộc bị cáo Ngô Thị A T nộp số tiền 20.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng.

[9]Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phan Thị H1 phạm tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Trần Thị H2 và bị cáo Ngô Thị A T phạm tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 187; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2022.

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị H1 03 (Ba) năm tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” và 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2022.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 187; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2022.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Thị A T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: A Châu Vĩnh Huy không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng, số IMEI: 353295070728059, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu xanh, số IMEI: 358074294335099, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu hồng, số IMEI: 355691077962444, vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động Samsung màu tím, số IMEI: 352003097289449, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động Redmi, màu xanh, IMEI 1: 868909057263900/78, IMEI 2: 868909057263918/78, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, IMEI 1: 860941042927925, IMEI 2: 860941043477920, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động OPPO màu đen trắng, IMEI: 866907032200411, vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

+ 01 điện thoại di động OPPO màu đen, IMEI: 869904052778498, đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Bích T2: 01 điện thoại di động OPPO, số IMEI 1: 866376045074231, IMEI 2: 866376045074223 đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng và tình trạng hoạt động.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

+ Buộc bị cáo Phan Thị H1 nộp số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Thị H2 nộp số tiền 15.500.000 (Mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Buộc bị cáo Ngô Thị A T nộp số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại Kho bạc Nhà nước H3 Đông; người nộp: Chu Đình Kính, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội; đơn vị nhận tiền: Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; nội dung nộp: nộp tiền tang vật vụ án Nguyễn Thị H cùng đồng phạm can tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức xảy ra năm 2022 trên địa bàn huyện G, thành phố Hà Nội, số tiền 2.000.000 đồng).

Biên lai thu tiền số 0023661 lập ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; người nộp: Châu Vĩnh Huy (nộp thay Ngô Thị A T); nội dung: Nộp tiền hưởng lợi bất chính theo Cáo trạng số 538/CT-VKSHN-P2 ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; số tiền 18.000.000 đồng).

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Thị H1, Trần Thị H2 và Ngô Thị A T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/01/2024.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Bích T2 và anh Châu Vĩnh Huy vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm